

Số:01/2020/QĐST-KDTM

Sốp Cộp, ngày 11 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST- KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn: Công ty TNHH N Việt Nam; Địa chỉ: Số A, đường 3, KCN B, TP B, tỉnh Đồng Nai. do ông Đoàn Anh V, sinh năm 1980, đại diện theo giấy ủy quyền ngày 06/6/2019

Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1985, đại diện cho cửa hàng TH, Địa chỉ: Bản S xã Sốp C, huyện SC, tỉnh Sơn La.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Phạm Văn H phải trả cho Công ty TNHH N Việt Nam số tiền **209.901.464 đồng** (*Hai trăm linh chín triệu chín trăm linh một nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng*).

- Ông Phạm Văn H phải chịu: 2.623.768 đồng (*Hai triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

- Công ty TNHH N Việt Nam, phải chịu: 2.623.768 đồng (*Hai triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH N Việt Nam: 3.376.232 đồng (*Ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi hai đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai quyền số 069, Số: AA/2016 0003441 ngày 03/3/2020.

Khoản tiền 209.901.464 đồng (*Hai trăm linh chín triệu chín trăm linh một nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng*) ông H phải trả kể từ ngày Công ty TNHH N Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành, thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sốp Cộp ;
- Chi cục THADS huyện Sốp Cộp
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Ngọc Tam

